TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
"Về việc ly hôn,
tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Hà Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 02, xã Tr, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Có mặt

Bị đơn*:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn 02, xã Tr, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 03 tháng 8 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Tr, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Chị Tr và anh T đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên có tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến đến hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên cuộc sống chung ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cãi cọ, mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái. Anh T không lo chăm sóc gia đình mà có hành vi nghiện ma túy, chị Tr và anh T hiện nay đang sống ly thân. Nay chị Tr nhận thấy cuộc sống vợ chồng

giữa chị Tr và anh T không thể tiếp tục được nữa, nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Tr và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24/6/2016. Chị Tr có nguyện vọng nuôi con chung đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh T. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với bị đơn và không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS).

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Tr đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) và các văn bản liên quan. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên không đề nghị HĐXX đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Lê Thị Ngọc Tr yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Đình T, anh T là bị đơn có nơi cư trú tại thôn 02, xã Tr, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2]. *Về chấp hành pháp luật của đương sự*: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 BLTTDS để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 31/8/2022, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên toà có thông báo thời gian mở lại phiên toà, đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3]. *Về nội dung:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Tr và anh T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 03 tháng 8 năm 2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Tr, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Chị Tr và anh T đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hôn nhân hợp pháp, việc kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên quá trình chung sống giữa chị Tr và anh T không có hạnh phúc, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình mà sa đà vào con đường nghiện ma túy nên nay tình cảm vợ chồng giữa chị Tr và anh T không còn, hai bên không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau.

Theo các Biên bản xác minh tại địa phương, người đại diện của địa phương cung cấp thông tin: *" Quá trình chung sống tại địa phương, chị Lê Thị Ngọc Tr và anh Nguyễn Đình T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc gia đình"* (BL: 22,23).

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên chị Tr không còn tình cảm đối với anh T, hai người hiện đang sống ly thân; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Tr là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Tr và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24/6/2016.

Hiện nay cháu Đ đang được chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Tr có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Đình Đ đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh T hiện nay không có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, đồng thời chị Tr đang là người nuôi con và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều

81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Đình Đ cho chị Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đảm bảo cho việc học tập cũng như phát triển toàn diện của cháu.

Chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc Tr ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Lê Thị Ngọc Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi).

Chị Lê Thị Ngọc Tr không yêu cầu anh Nguyễn Đình T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Buộc chị Lê Thị Ngọc Tr phải chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003681 ngày 03/3/2022.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hà Ngân